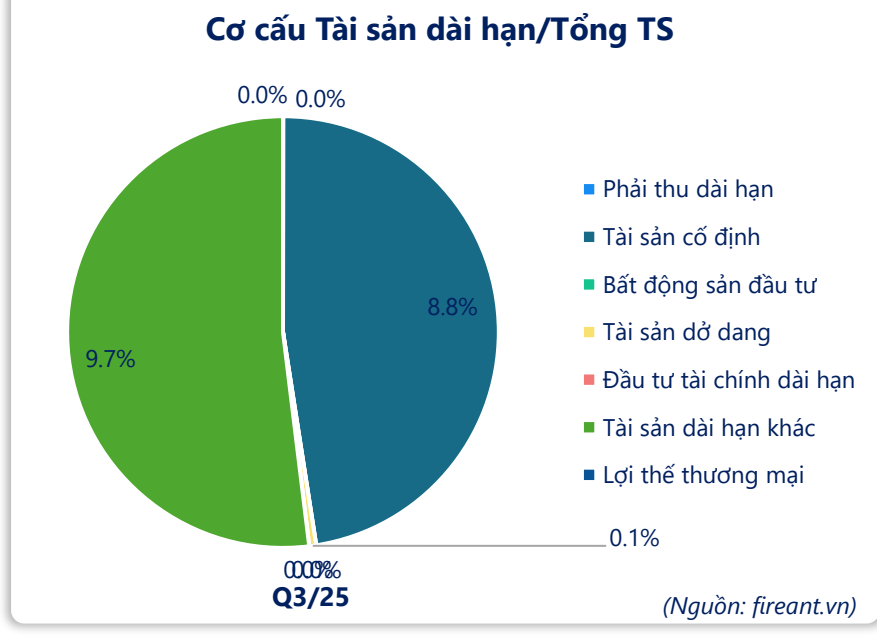
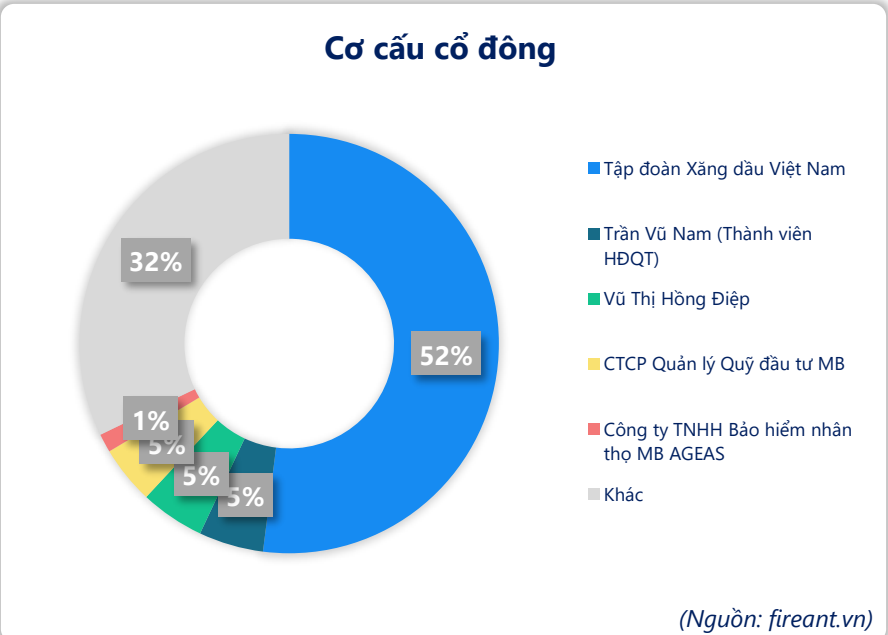
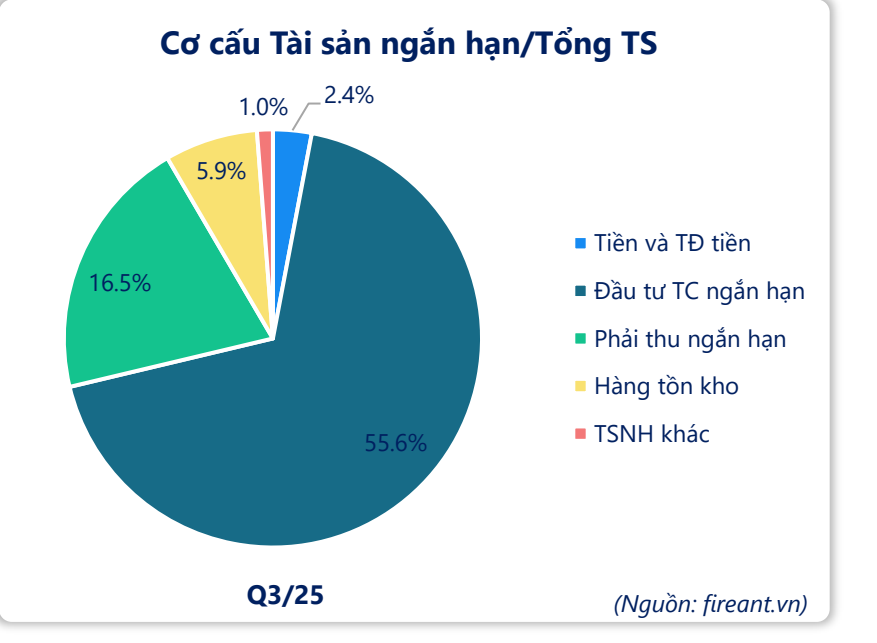
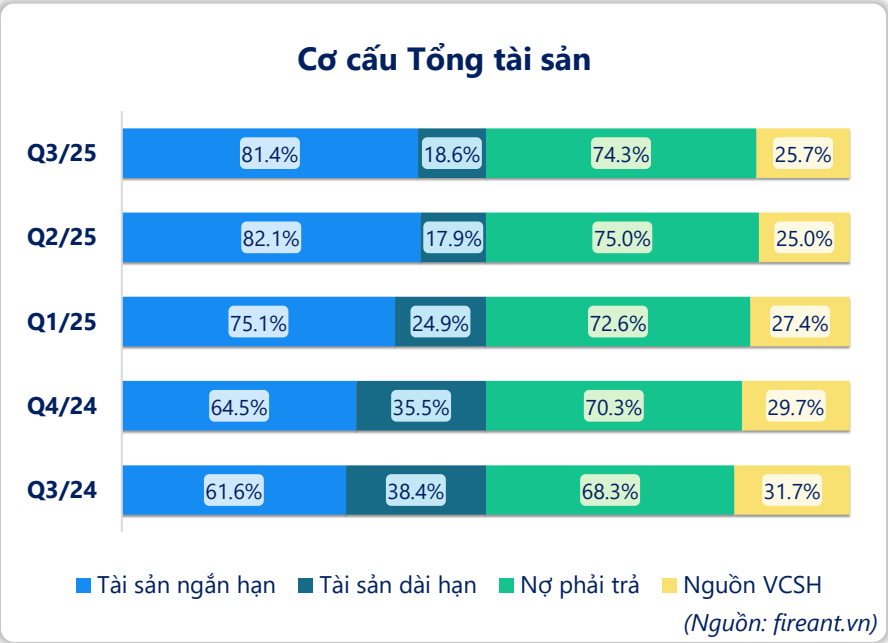
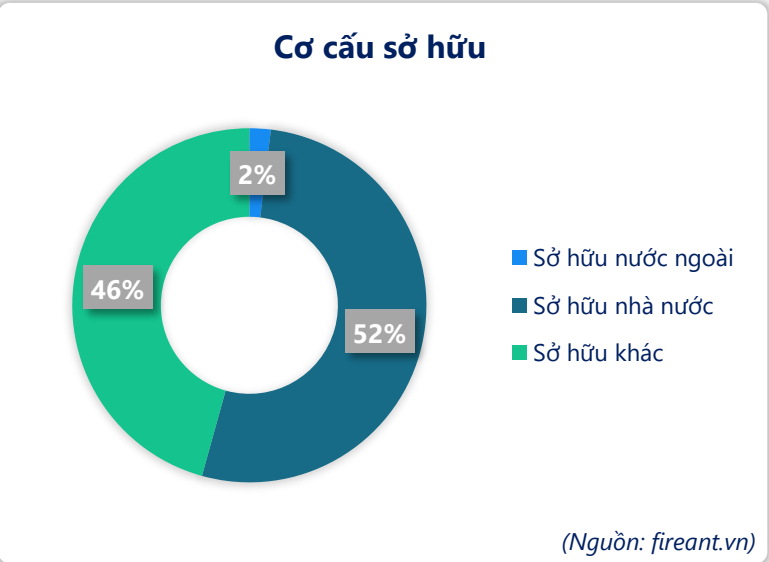
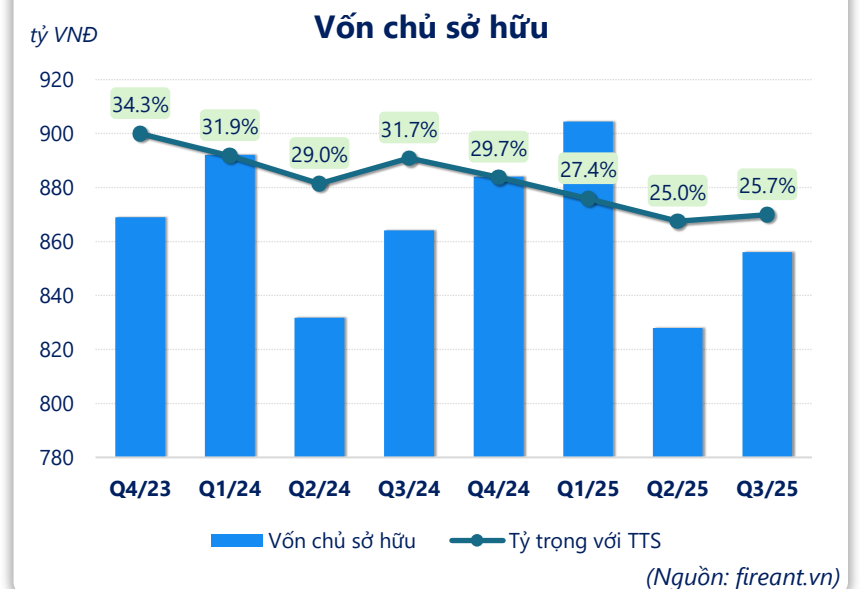
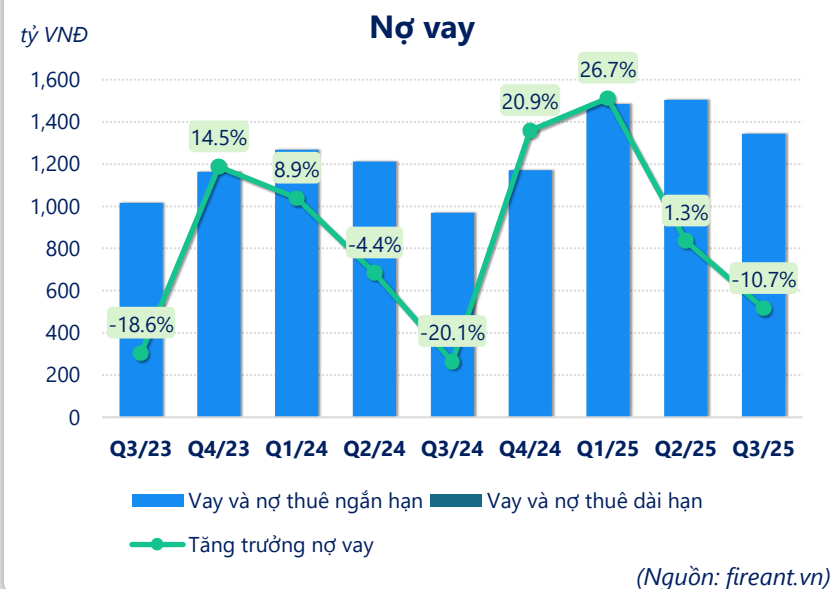
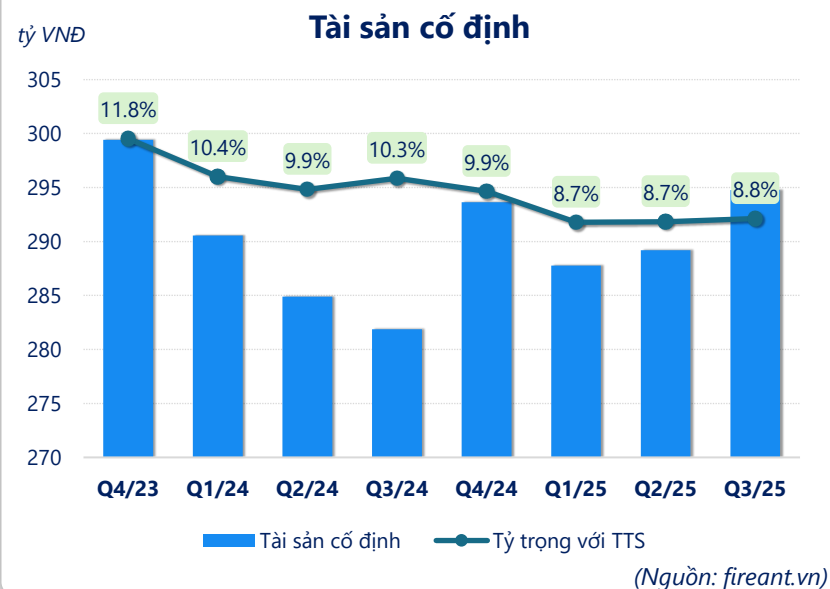
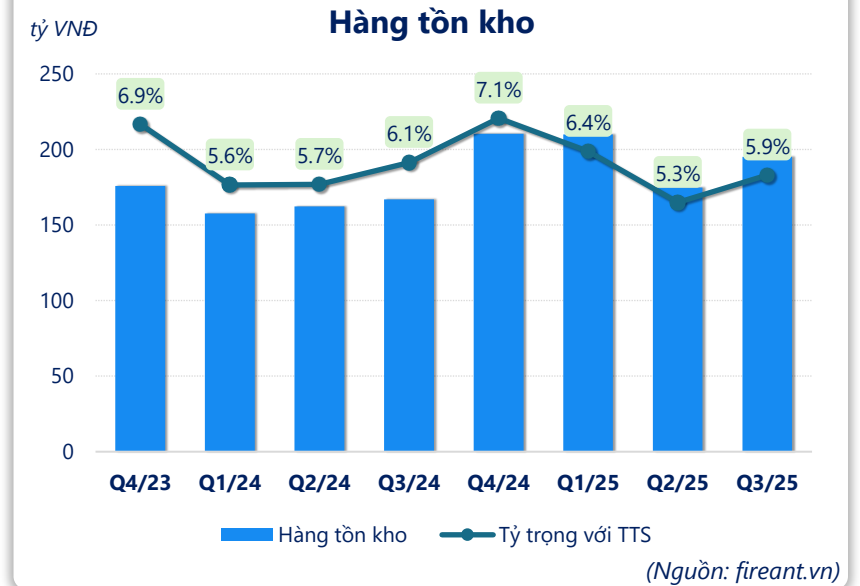
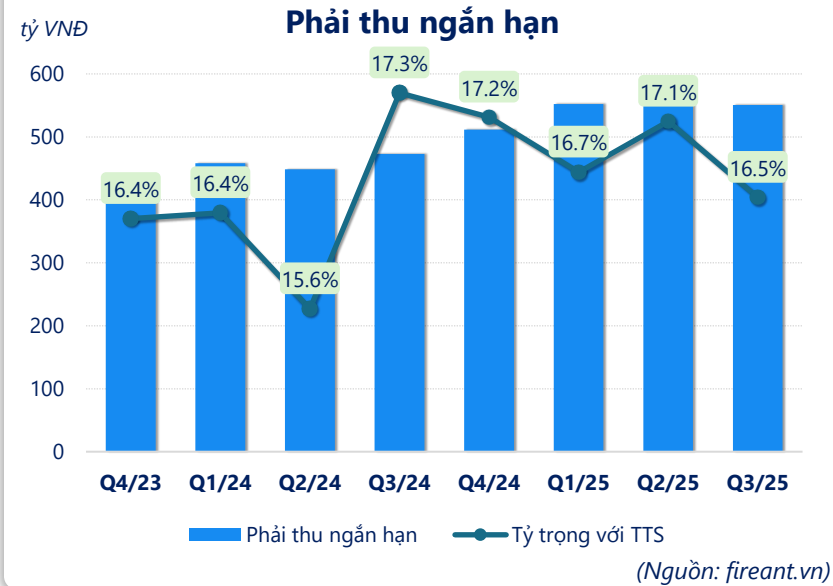
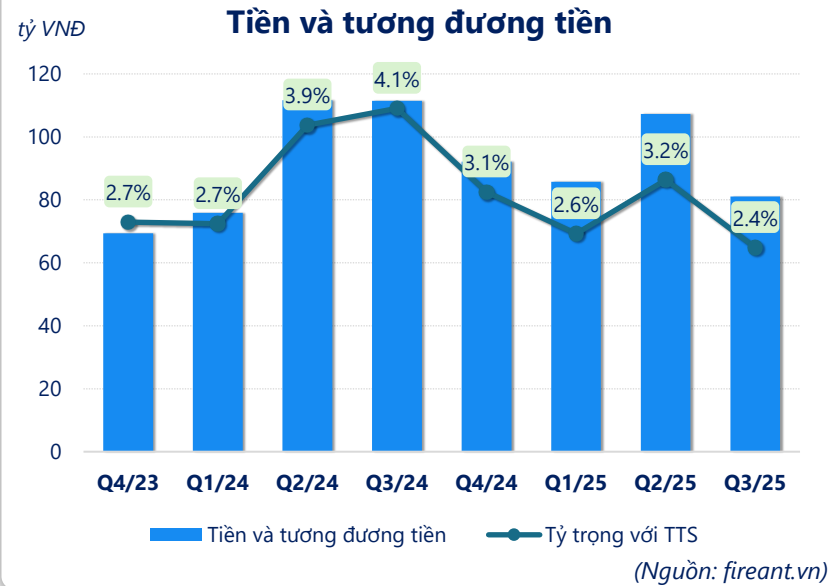
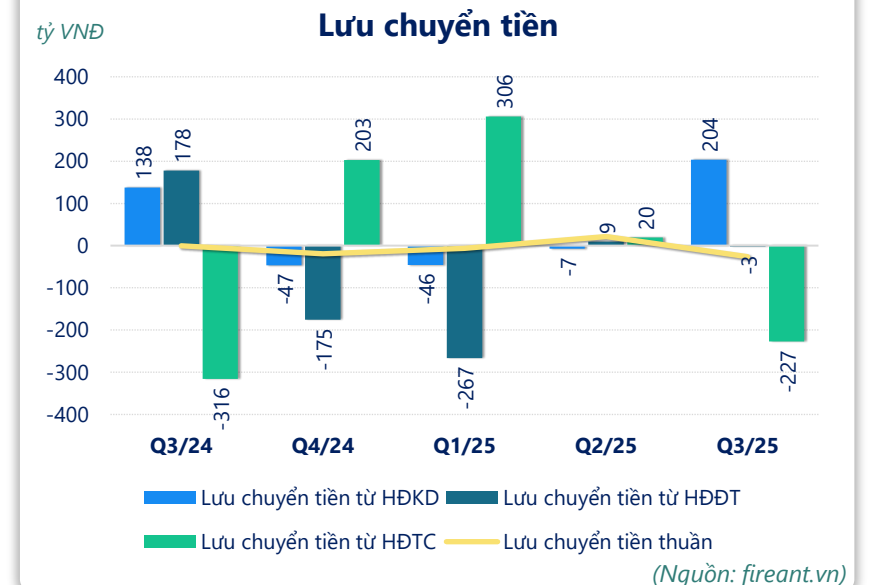
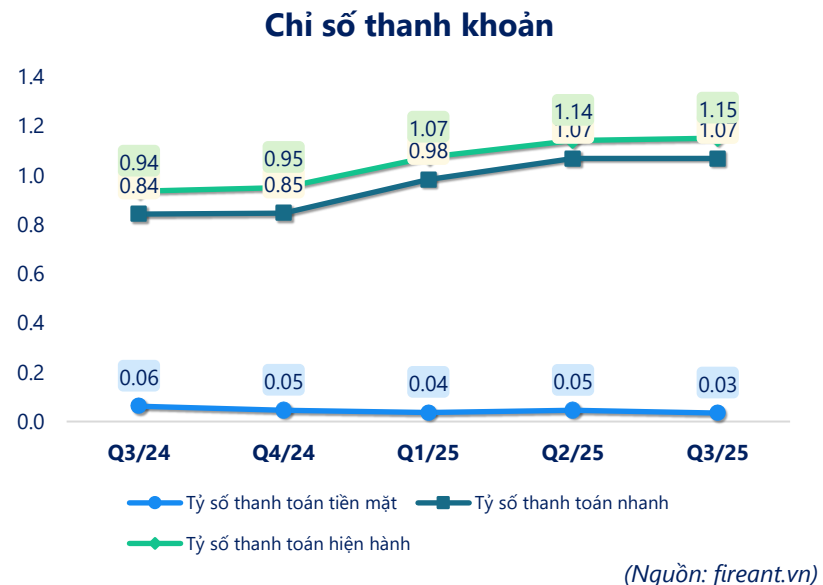
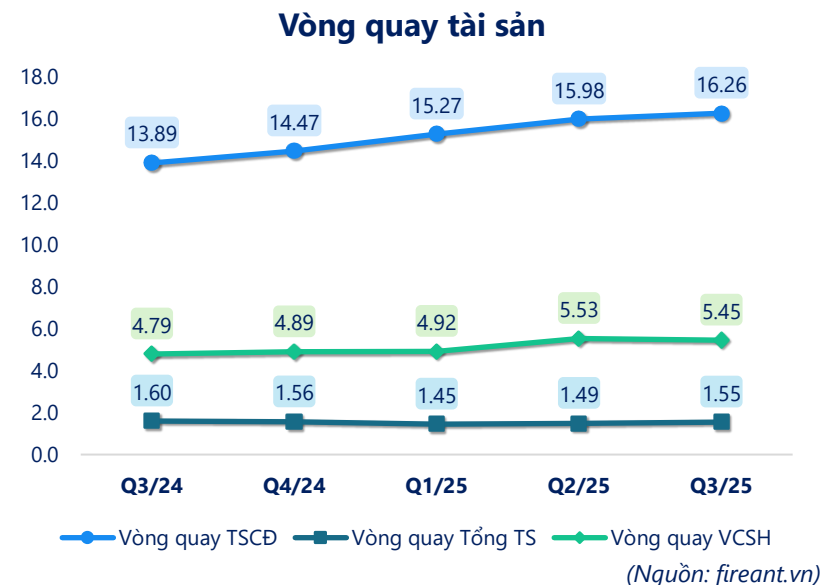
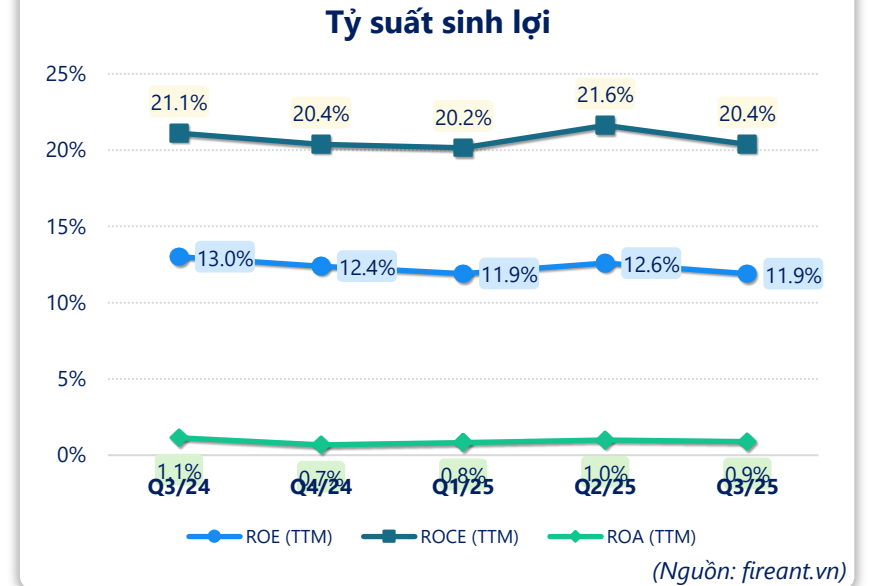
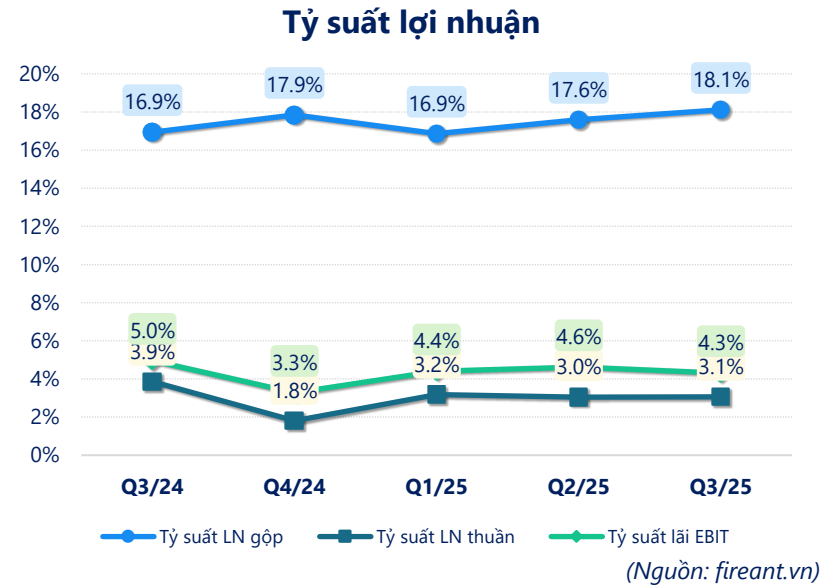
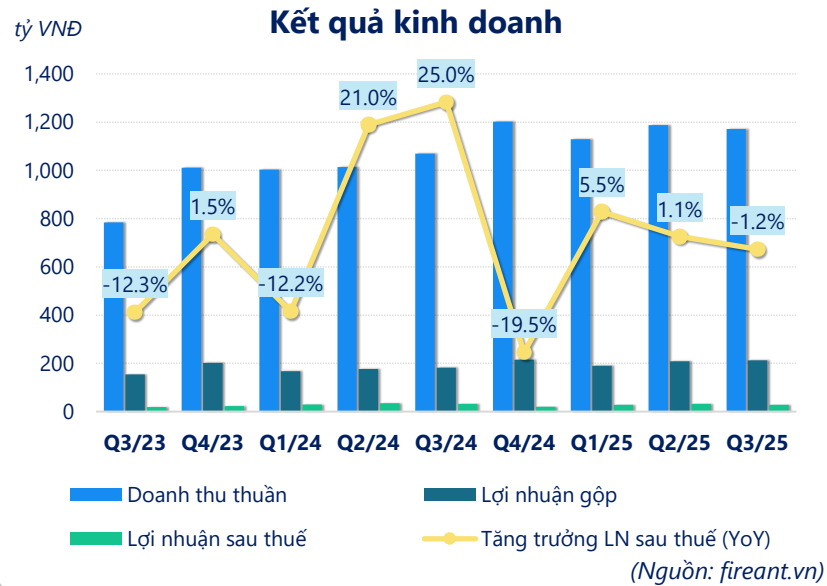


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,008
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,545
SL cổ phiếu LH		60,339,285
KLGD BQ 20 phiên (CP)		30,695
% sở hữu nước ngoài		1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		827
P/E		8.1
EPS		1,697

	YTD	1T	3T	6T
PGC	-7.0%	-0.7%	-1.4%	-5.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,332	2,980	11.8%
Tài sản ngắn hạn	2,712	1,921	41.2%
Tiền và tương đương tiền	81.0	92.2	-12.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,852	1,088	70.3%
Phải thu ngắn hạn	550	511	7.7%
Hàng tồn kho	195	210	-7.2%
Tài sản ngắn hạn khác	33.3	19.3	72.0%
Tài sản dài hạn	620	1,059	-41.4%
Phải thu dài hạn	0.17	0.11	51.4%
Tài sản cố định	295	294	0.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.22	8.44	-61.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	500	-100%
Tài sản dài hạn khác	322	256	25.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,476	2,096	18.1%
Nợ ngắn hạn	2,357	2,022	16.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,343	1,171	14.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	851	723	17.7%
Nợ dài hạn	120	74.6	60.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	856	884	-3.1%
Vốn chủ sở hữu	856	884	-3.1%
Vốn điều lệ	603	603	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,070	1,202	1,129	1,187	1,171
Giá vốn hàng bán	889	987	939	978	959
Lợi nhuận gộp	181	215	190	209	212
Doanh thu HĐTC	28.4	20.9	26.3	25.9	25.8
Chi phí TC	11.9	18.0	17.6	20.6	16.0
Chi phí lãi vay	11.8	12.0	13.6	14.5	14.2
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	106	128	109	122	131
Chi phí QLDN	51.0	67.6	54.2	56.1	55.2
LN thuần từ HĐKD	41.3	21.7	35.9	36.2	35.9
Lợi nhuận khác	-0.06	5.67	0.21	4.10	0.31
LN trước thuế	41.2	27.4	36.1	40.3	36.2
Lợi nhuận sau thuế	32.3	19.9	28.4	31.6	28.2
LNST của CĐ cty mẹ	29.3	18.7	25.5	31.0	27.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	138	-46.7	-45.7	-7.48	204
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	178	-175	-267	9.48	-2.96
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-316	203	306	19.5	-227
Tiền đầu kỳ	112	111	92.2	85.7	107
Lưu chuyển tiền thuần	-0.15	-19.3	-6.51	21.5	-26.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	111	92.2	85.7	107	81.0

(Nguồn: fireant.vn)